TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày: 22 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Ông Võ Thành Phước.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-DS ngày 14/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang. Địa chỉ hiện nay: Số E, E– Khu đô thị P, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T: Ông Triệu Du N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp A, xã L, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 28/7/2025). (có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Lê Văn M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

+ Bà Thạch Thị M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T là ông Triệu Du N trình bày: Thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, bà Trần Thị Thùy T có cho vợ chồng bà Thạch Thị M, ông Lê Văn M vay tiền nhiều lần với tổng số 385.000.0000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng), mục đích vay là để bà M, ông M lo cuộc sống gia đình, lãi suất theo

thỏa thuận, bà T đã giao đủ số tiền 385.000.000 đồng cho bà M, ông M. Bà M, ông M tự tay viết giấy xác nhận nợ có chữ ký của hai bên và bà M, ông M hứa trả hàng tháng với số tiền là 5.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ, nhưng đến nay bà M, ông M không trả tiền cho bà T. Bà T đã liên lạc nhiều lần nhưng bà M, ông M cố tình né tránh.

Nay bà Trần Thị Thùy T yêu cầu như sau: Bà Trần Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị M và ông Lê Văn M liên đới trả bà T tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Bà Trần Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị M và ông Lê Văn M liên đới trả bà T tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 21/7/2023 đến khi bà M, ông M trả xong nợ. Tiền lãi suất tạm tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 21/7/2025 là: 385.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng = 76.692.000 đồng (bảy mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng là 461.692.000 đồng (bốn trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp nguyên đơn đề nghị bị đơn ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M trả tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) và lãi suất chậm trả từ ngày 21/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Văn M trình bày:* Ông Lê Văn M có vay tiền của bà Trần Thị Thùy T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của tôi tên Lê Văn M mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam còn chi nhánh cụ thể thì ông M không rõ. Các giao dịch, thảo thuận vay tiền là giữa ông M và bà T. Khi nhận tiền bà T có nhờ chị là bà Trần Thị Mỹ T chuyển khoản vào tài khoản ông M. Khi vay tiền các bên không có lập thành văn bản mà chỉ thông qua chuyển khoản, thời gian sau ông M có làm biên nhận nợ với bà T còn số tiền cụ thể bao nhiêu ông M không nhớ rõ, biên nhận ghi thời gian nào ông M không nhớ rõ và vợ tên Thạch Thị M có làm hợp đồng vay tiền với bà Trần Thị Thùy T, còn số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông M không biết, biên nhận ghi ngày nào thì ông M không rõ. Ông M vay tiền của bà T để cho người khác vay lại để hưởng số tiền hoa hồng. Nay bà Trần Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị M và ông Lê Văn M liên đới trả bà T số tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 21/7/2023 đến khi ông M và bà M trả xong nợ. Tiền lãi suất tạm tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 22/01/2026 là: 385.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng, 01 ngày = 76.692.000 đồng, tổng cộng là 461.692.000 đồng thì ông M thừa nhận có vay tiền của bà Trần Thị Thùy T nhưng do bà Trần Thị Mỹ T chuyển khoản vào tài khoản ông M số tiền 100.000.000 đồng nhưng ông M có làm biên nhận nợ với bà Trần Thị Thùy T. Nên thống nhất trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà Trần Thị Thùy T, số tiền lãi ông M xin không trả do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, ông M xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi trả dứt nợ.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thạch Thị M trình bày:* Chồng bà Thạch Thị M là ông Lê Văn M có vay tiền của bà Trần Thị Thùy T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chồng bà M tên Lê Văn M. Các giao dịch, thảo thuận vay tiền là giữa chồng bà là ông M và bà T. Khi nhận tiền bà T có nhờ chị là bà Trần Thị Mỹ T chuyển khoản vào tài khoản chồng bà là ông M. Khi vay tiền các bên không có lập thành văn bản mà chỉ thông qua chuyển khoản, thời gian sau thì bà T và bà M có làm hợp đồng vay tiền giữa bà M với bà Trần Thị Thùy T. Chữ ký và chữ viết của bà M do bà M tự ghi. Ông M vay tiền của bà T để cho người khác vay lại để hưởng số tiền hoa hồng. Nay bà Trần Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn M và bà liên đới trả bà T số tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 21/7/2023 đến khi ông và bà M trả xong nợ. Tiền lãi suất tạm tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 21/7/2025 là: 385.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng = 76.692.000 đồng, tổng cộng là 461.692.000 đồng, bà M thừa nhận chồng bà là ông M có vay tiền của bà Trần Thị Thùy T nhưng do bà Trần Thị Mỹ T chuyển khoản cho chồng tôi số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà có làm biên nhận nợ với bà Trần Thị Thùy T. Nên thống nhất cùng ông M liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà Trần Thị Thùy T, số tiền lãi bà M xin không trả do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bà M xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Thạch Thị M chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vay 385.000.000 đồng, về lãi suất, do khoản vay không thỏa thuận lãi nên bị đơn có trách nhiệm trả nguyên đơn khoản tiền chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể, do các bên thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, nên bị đơn có trách nhiệm chịu lãi suất chậm trả trên số tiền cộng dồn chưa thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận do đó chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M trả tiền vay. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ đưa vụ

án ra xét xử, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/8/2025, Trần Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M cư trú tại ấp B, xã C, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bà Trần Thị Thùy T trình bày thời gian từ năm 2021 đến năm 2023 bà T có cho ông Lê Văn M vay số tiền 385.000.000 đồng, khi vay bà Tr và bà M có lập tờ biên nhận do bà M tự viết và ký tên, bà M, ông M hứa sẽ trả hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng đến nay ông M, bà Mchưa trả tiền cho bà T.

Xét về lỗi: Ông M, bà M thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, vì vậy ông M, bà M là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà T yêu cầu ông M, bà M chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả bà T số tiền 385.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 22/01/2026 là: 385.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng, 01 ngày = 96.357.000 đồng. Tổng cộng là 481.357.000 đồng (bốn trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất xác định là có việc bà Trần Thị Thùy T cho ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M vay tiền. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện bà T không cần phải chứng minh.

[5] Theo trình bày của nguyên đơn khi hai bên tiến hành hợp đồng vay nguyên đơn cho bị đơn vay nhiều lần với số tiền 385.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, không thỏa thuận lãi suất, bà T đã giao nộp tờ biên nhận thể hiện nội dung *"...tôi và chồng tôi có mượn số tiền 385.000.000 (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) của chị Trần Thị Thùy T từ tháng 4/2021 đến 21/7/2023 và hứa sẽ trả mỗi tháng trả bớc năm triệu (5.000.000 đồng) từ 10 đến 15 hàng tháng, cho đến khi nào hết số tiền (385.000.000 đồng), không lãi suất..."* và bà M, ông M thừa nhận bà M có tự viết và ký tên vào tờ biên nhận nhưng ông M, bà M không thanh toán đầy đủ cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông M, bà M phải trả tiền vay và lãi suất cho bà T theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với ý kiến của ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M có hợp đồng vay tiền của bà Trần Thị Thùy T có nhận chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng qua

chuyển khoản và có làm biên nhận do bà M tự viết và ký tên với bà Trần Thị Thùy T nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu chứ ông M, bà M không phải vay của bà T số tiền là 385.000.000 đồng như bà T trình bày nhưng ông M, bà M không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về lãi suất: Khi hợp đồng vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, bị đơn không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định các bên có tranh chấp về lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 20%/01 năm nên lãi suất được tính là 10%/01 năm. Như vậy, tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 14/01/2026 số tiền 385.000.000 số tiền lãi là 02 năm 05 tháng 23 ngày: 385.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm = 77.000.000 đồng; 385.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng x 06 tháng = 19.250.000 đồng; 385.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng/30 ngày x 01 ngày = 107.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 96.357.000 đồng.

[8] Đối với ý kiến của ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M xin trả dần cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vốn gốc là 385.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; về lãi suất đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi chậm thực nghĩa vụ mức lãi suất 10%/năm tương ứng số tiền gốc chậm trả và thời gian chậm trả từ ngày 16/8/2023 đến ngày xét xử là 22/01/2026 là 19.367.250 là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 280, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy T. Buộc ông Lê Văn M, bà Thạch Thị M có nghĩa vụ liên đới trả bà Trần Thị Thùy T số tiền 385.000.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 96.357.000 đồng (chín mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng là 481.357.000 đồng (bốn trăm tám mươi mốt triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn M và bà Thạch Thị M phải chịu 24.067.850 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.234.000 đồng (M một triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004783 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thùy T, ông Lê Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (M lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Thạch Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.